

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 38
8. Phụ lục công nợ và giao dịch với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	39 - 43
9. Phụ lục ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp từng năm	44 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và các Công ty con (gọi chung là “nhóm công ty”)

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 13 ngày 11 tháng 5 năm 2021 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 38 544 270
- Fax : (024) 38 541 208

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220kV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Thái Hải	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên độc lập	Ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Cao Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Mai Hữu Thung	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 9 năm 2021
Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 9 năm 2021
Ông Đỗ Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 10 năm 2022
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	Ngày 10 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Chính - Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 3 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số: 1.0939/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đang phản ánh các số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng đã thực hiện từ nhiều năm trước, số tiền 32,69 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng cần thiết để đánh giá khả năng có thể nghiệm thu sản lượng các hợp đồng dịch vụ này, do đó, không thể xác định được chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.3 và Phụ lục 02 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả các điều chỉnh được Công ty áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2021.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.17c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang khắc phục tồn tại trong công tác huy động vốn cá nhân. Theo đó, Công ty đang ghi nhận lãi vay phải trả các cá nhân theo mức lãi suất Công ty đưa ra tại Thông báo điều chỉnh lãi suất nội bộ.

Vấn đề khác

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 và Phụ lục 02 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính từ năm 2017 đến năm 2021. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán lại đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mà chúng tôi đã kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính này vào ngày 31 tháng 3 năm 2022. Chúng tôi cũng không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính từ 2017 đến 2020 do kiểm toán viên khác kiểm toán, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính đã nêu, xét trên phương diện tổng thể.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Trần Kim Anh - Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1
Người được ủy quyền



Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4918-2019-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		553.893.742.874	627.731.154.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.056.728.407	38.573.163.990
1. Tiền	111		46.056.728.407	38.573.163.990
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		353.968.165.420	385.073.317.273
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	383.782.213.023	379.931.713.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15.435.867.252	17.434.214.619
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.200.032.081	2.200.032.081
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.811.114.969	21.523.543.675
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(65.261.061.905)	(36.016.186.322)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	152.891.544.533	197.947.609.191
1. Hàng tồn kho	141		167.429.667.213	197.947.609.191
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.538.122.680)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		977.304.514	6.137.064.490
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	941.432.595	925.817.715
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.053.934	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	32.817.985	5.211.246.775
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		639.291.478.769	680.679.674.507
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		634.672.074.377	675.916.808.862
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	634.012.524.467	674.772.566.759
<i>Nguyên giá</i>	222		1.174.450.137.708	1.180.026.248.257
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(540.437.613.241)	(505.253.681.498)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	659.549.910	1.144.242.103
<i>Nguyên giá</i>	228		19.391.871.708	19.175.638.838
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.732.321.798)	(18.031.396.735)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		483.573.867	2.284.253.867
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	483.573.867	2.284.253.867
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.135.830.525	2.478.611.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.135.830.525	2.478.611.778
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.193.185.221.643	1.308.410.829.451

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		897.722.905.863	1.130.291.268.219
I. Nợ ngắn hạn	310		660.108.462.107	730.261.331.344
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	73.667.170.286	51.763.893.706
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	93.183.221.612	76.601.015.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	26.380.398.589	18.527.050.238
4. Phải trả người lao động	314		38.862.408.823	58.080.508.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	16.573.499.577	23.219.811.974
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	118.508.521.040	100.918.710.187
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	290.222.199.923	397.903.533.959
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.711.042.257	3.246.807.257
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		237.614.443.756	400.029.936.875
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	-	36.112.166.058
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	44.563.327.061
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	237.614.443.756	319.354.443.756
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.462.315.780	178.119.561.232
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	293.557.815.780	172.822.578.232
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.979.933.988	22.979.933.988
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.164.691.792	(117.570.545.756)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(117.570.545.756)	(117.570.545.756)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.735.237.548	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.904.500.000	5.296.983.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	1.904.500.000	5.296.983.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.193.185.221.643	1.308.410.829.451

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	644.350.001.318	644.280.413.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		644.350.001.318	644.280.413.720
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	382.670.369.538	463.021.467.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		261.679.631.780	181.258.946.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.948.390.950	126.376.398
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.273.912.122	60.294.794.561
Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.153.969.392	57.597.202.176
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.909.367.015	1.277.448.238
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	65.410.713.918	65.939.323.275
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		153.034.029.675	53.873.756.595
12. Thu nhập khác	31		335.352.289	94.809.563
13. Chi phí khác	32	VI.7	8.976.635.202	2.748.579.037
14. Lợi nhuận khác	40		(8.641.282.913)	(2.653.769.474)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		144.392.746.762	51.219.987.121
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		23.657.509.214	12.496.161.604
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		120.735.237.548	38.723.825.517
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		120.735.237.548	38.723.825.517
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4.523	1.451
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	4.523	1.451

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Doãn Thị Thu Dung

Dương Anh Tuấn

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		144.392.746.762	51.219.987.121
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		43.278.937.886	46.688.322.420
- Các khoản dự phòng	03		43.782.998.263	25.532.315.002
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(1.502.235.681)	2.607.749.404
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(251.750.000)	(17.378.881)
- Chi phí lãi vay	06		43.153.969.392	57.597.202.176
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		272.854.666.622	183.628.197.242
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.660.597.125	20.662.525.767
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		30.517.941.978	63.948.574.514
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(44.163.714.226)	(46.223.649.543)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.846.373	194.206.153
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(51.226.951.166)	(48.110.225.339)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.746.949.371)	(28.997.896.459)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	4.436.517.000	4.723.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.364.765.000)	(511.855.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		207.095.189.335	149.312.877.335
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.034.203.401)	(982.555.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		251.750.000	454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	16.924.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.782.453.401)	(965.177.029)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a	3.120.401.350	77.044.478.828
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(192.541.735.386)	(211.051.048.154)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.701.219.902)	(3.027.104.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(199.122.553.938)	(137.033.673.966)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.190.181.996	11.314.026.340
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.573.163.990	27.181.348.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.293.382.421	77.789.169
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46.056.728.407	38.573.163.990

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220kV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Công ty mẹ không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Số 1A Km 2, đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	8/2 Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	503 Núi Thành, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty có 614 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 713 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là phí bản quyền sử dụng phần mềm, chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công cụ dụng cụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Phí bản quyền sử dụng phần mềm

Phí bản quyền sử dụng phần mềm thể hiện khoản phí bản quyền nhóm Công ty đã trả cho thời gian sử dụng phần mềm. Phí bản quyền sử dụng phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng (01- 03 năm).

Chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện khoản chi phí đã trả cho để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10
Tài sản cố định khác	05-50

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6-10 năm.

Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá được quy định trong hợp đồng kinh tế ký kết với Tổng Công ty Điện lực. Đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.483.117.852	935.815.483
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.573.610.555	37.637.348.507
Cộng	46.056.728.407	38.573.163.990

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan (*)</i>	<i>190.054.428.715</i>	<i>185.498.819.499</i>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>193.727.784.308</i>	<i>194.432.893.721</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.172.860.180	28.675.753.728
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	29.030.688.024	3.560.612.262
Các khách hàng khác	163.524.236.104	162.196.527.731
Cộng	383.782.213.023	379.931.713.220

(*) Chi tiết tại phụ lục đính kèm

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	13.935.867.252	15.934.214.619
Cộng	15.435.867.252	17.434.214.619

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	7.208.848.286	-	12.993.215.552	-
Vốn Nghiên cứu Khoa học ⁽ⁱ⁾	2.264.500.000	-	2.264.500.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	2.772.353.898	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	10.431.818	-	97.640.458	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	121.167.493	-	117.975.013	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.433.813.474	-	6.050.212.652	-
Cộng	17.811.114.969	-	21.523.543.675	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Các khoản đã chi chưa được quyết toán để thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ do Bộ Công thương giao theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 11/HĐ-ĐT/KHCN đề tài “Lập thiết kế kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW”.

(ii) Khoản thuế TNCN đã nộp Ngân sách nhà nước được tạm tính khi chi trả lương CBCNV tháng 7-11/2022. Khoản thuế này sẽ khấu trừ vào tiền lương còn phải trả cho CBCNV năm 2022 vào quý 1/2023 khi quyết toán thuế TNCN.

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	664.609.531	(664.609.531)	634.700.440	(634.700.44)
Công ty Điện lực Nam Định	29.909.091	(29.909.091)		
Công ty Điện lực Sơn La	327.740.109	(327.740.109)	327.740.109	(327.740.10)
Các bên liên quan khác	306.960.331	(306.960.331)	630.325.928	(634.700.44)
Các tổ chức và cá nhân khác	72.165.649.013	(64.596.452.374)	42.125.677.781	(35.381.485.88)
Công ty Cổ phần Xây dựng & Lắp máy Trung Nam	5.277.944.152	(5.277.944.152)	5.277.944.152	(5.277.944.15)
Công ty Cổ phần Truyền tải điện Lộc Ninh	7.028.886.275	(4.920.220.393)	7.028.886.275	(2.108.665.88)
Công Ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	4.705.511.731	(4.705.511.731)	4.705.511.731	(4.705.511.73)
Công ty Cổ phần Thủy điện Long Tạo Điện Biên	4.153.290.324	(3.421.849.824)	6.095.378.376	(5.479.119.48)
Công ty TNHH Xuân Thiện - Hà Giang	6.062.403.754	(6.062.403.754)	6.062.403.754	(6.062.403.75)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	7.280.920.765	(7.280.920.765)	10.280.920.765	(9.812.614.15)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	37.656.692.012	(32.927.601.755)	2.674.632.728	(1.935.226.72)
Cộng	72.830.258.544	(65.261.061.905)	42.760.378.221	(36.016.186.32)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	36.016.186.322	10.483.871.320
Trích lập dự phòng bổ sung	29.244.875.583	25.532.315.002
Số cuối năm	65.261.061.905	36.016.186.322

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.655.802.063	-	1.788.264.564	-
Công cụ, dụng cụ	10.193.402.847	-	10.173.652.829	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	155.333.913.846	(14.538.122.680)	185.739.143.341	-
Hàng hóa	246.548.457	-	246.548.457	-
Cộng	167.429.667.213	(14.538.122.680)	197.947.609.191	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	403.635.325	321.734.170
Phí bản quyền phần mềm máy tính	385.762.499	358.034.400
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.834.707	86.294.545
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	150.200.064	159.754.600
Cộng	941.432.595	925.817.715

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bản quyền phần mềm máy tính	18.623.686	98.441.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.428.824.777	1.957.550.551
Chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	1.605.606.355	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.775.707	422.620.227
Cộng	4.135.830.525	2.478.611.778

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	794.236.624.771	286.644.592.481	66.987.120.731	10.364.344.865	21.793.565.409	1.180.026.248.257
Mua trong năm	-	1.039.195.531	372.300.000	406.475.000	-	1.817.970.531
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.717.050.692)	(2.564.312.206)	(112.718.182)	-	(7.394.081.080)
Số cuối năm	794.236.624.771	282.966.737.320	64.795.108.525	10.658.101.683	21.793.565.409	1.174.450.137.708
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.762.246.860	32.750.544.450	59.047.320.509	8.911.661.228	259.959.000	121.731.732.047
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	237.233.924.769	190.581.160.754	62.826.484.432	9.540.217.611	5.071.893.932	505.253.681.498
Khấu hao trong năm	29.149.311.716	9.518.843.800	2.968.226.406	474.734.814	466.896.087	42.578.012.823
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.717.050.692)	(2.564.312.206)	(112.718.182)	-	(7.394.081.080)
Số cuối năm	266.383.236.485	195.382.953.862	63.230.398.632	9.902.234.243	5.538.790.019	540.437.613.241
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	557.002.700.002	96.063.431.727	4.160.636.299	824.127.254	16.721.671.477	674.772.566.759
Số cuối năm	527.853.388.286	87.583.783.458	1.564.709.893	755.867.440	16.254.775.390	634.012.524.467
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 621.993.441.902 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.071.147.000	372.030.942	17.732.460.896	19.175.638.838
Mua trong năm		-	216.232.870	216.232.870
Số cuối năm	1.071.147.000	372.030.942	17.948.693.766	19.391.871.708
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.071.147.000	-	16.172.563.285	17.243.710.285
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.071.147.000	372.030.942	16.960.249.735	18.031.396.735
Khấu hao trong năm	-		700.925.063	700.925.063
Số cuối năm	1.071.147.000	372.030.942	17.661.174.798	18.732.321.798
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	372.030.942	772.211.161	1.144.242.103
Số cuối năm	-	372.030.942	287.518.968	659.549.910
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Hạng mục phần mềm quản lý hợp đồng	328.855.800	-	328.855.800
Hạng mục nâng cấp phần mềm quản lý xe	90.160.000	-	90.160.000
Chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	1.800.680.000	(1.800.680.000)	-
Chi phí tư vấn thiết kế sửa chữa tòa nhà văn phòng	64.558.067	-	64.558.067
Cộng	2.284.253.867	(1.800.680.000)	483.573.867

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận của Công ty là chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP, cụ thể:

	Chi phí lãi vay không được trừ (VND)	Chi phí lãi vay đã chuyển lũy kế (VND)	Chi phí lãi vay được chuyển trong năm (VND)	Chi phí lãi vay còn được chuyển (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4) = (1)-(2)-(3)
2018	50.093.710.075	-	(27.618.653.338)	22.475.056.737
2019	40.583.903.370	-	-	40.583.903.370
2020	39.246.330.519	-	-	39.246.330.519
2021	10.928.043.669	-	-	10.928.043.669
Cộng	140.851.987.633	-	(27.618.653.338)	113.233.334.295

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.766.983.850	5.101.120.138
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.985.999.467	171.383.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	861.489.730	1.010.242.046
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	2.919.494.653	3.919.494.653
Phải trả các nhà cung cấp khác	67.900.186.436	46.662.773.568
Institute Of Crustal Dynamics, China	3.999.283.305	3.927.520.780
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	17.146.866.359	-
Các nhà cung cấp khác	46.754.036.772	42.735.252.788
Cộng	73.667.170.286	51.763.893.706

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	-	24.779.847.244
Các nhà cung cấp khác	-	11.332.318.814
Cộng	-	36.112.166.058

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	17.146.866.359	24.779.847.244
Institute Of Crustal Dynamics, China	3.999.283.305	3.927.520.780
Fichtner Vietnam Company Limited	-	3.719.205.674
Tư vấn Trung Quốc (MSDI)	3.614.920.283	3.550.054.709
Các nhà cung cấp khác	20.155.498.647	17.448.268.041
Cộng	44.916.568.594	53.424.896.448

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan (*)	57.098.579.833	33.685.863.470
Trả trước của các khách hàng khác	36.084.641.779	42.915.152.060
Công ty TNHH Hà Thành	7.942.730.000	7.942.730.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mô	10.022.887.500	1.055.340.000
Các khách hàng khác	18.119.024.279	33.917.082.060
Cộng	93.183.221.612	76.601.015.530

(*) Chi tiết tại phụ lục đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.295.666.840	-	43.767.950.671	(53.578.456.848)	4.485.160.663	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.149.196	5.193.732.250	24.572.247.925	(4.746.949.371)	14.678.715.500	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.684.774.284	17.514.525	10.798.395.053	(11.290.266.801)	1.208.205.996	32.817.985
Thuế tài nguyên	1.655.593.075	-	24.134.013.417	(23.484.101.701)	2.305.504.791	-
Tiền thuê đất	126.261.824	-	1.149.037.167	(1.220.133.167)	55.165.824	-
Các loại thuế khác	66.829.467	-	588.741.181	(147.919.467)	507.651.181	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	639.349.152	-	9.319.951.116	(9.068.972.100)	890.328.168	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	2.514.294.000	(2.514.294.000)	-	-
Tiền phạt thuế	11.426.400	-	2.370.033.534	(131.793.468)	2.249.666.466	-
Cộng	18.527.050.238	5.211.246.775	119.214.664.064	(106.182.886.923)	26.380.398.589	32.817.985

Trong đó:

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam	23.657.509.214
Thuế Thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	1.659.803.353
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Lào được khấu trừ	(745.064.642)
Cộng	24.572.247.925

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất như sau:

- Doanh thu bán điện thành phẩm, tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện 8%
- Các loại doanh thu khác 8%-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.624.262.090	12.461.427.446
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	33.247.124	34.734.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.657.509.214	12.496.161.604

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Nhóm Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.864,44 VND/KWh x thuế suất 5% x sản lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Nhóm Công ty được miễn tiền thuê đất đối với diện tích lần lượt là 1.270.421 m² và 925.153 m² đất đang sử dụng tại Xã Mả Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam và Thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam trong thời hạn 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động theo qui định tại điều 7 Giấy chứng nhận đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2009.

Nhóm Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Thôn Thạch Mỹ 3 và thôn Hoa, thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang	8.897,8 m ²	625 VND/m ² /năm
- Km 9 + 200, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	9.003,4 m ²	158.938 VND/m ² /năm

Phí dịch vụ môi trường rừng

Nhóm Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 đồng/KWh x sản lượng.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	933.226.355	1.914.445.810
Trích trước chi phí các công trình	11.797.347.197	16.250.136.850
Trích trước chi phí Xây dựng cơ bản Nhà Máy Sông Bung 5	954.471.245	954.471.245
Trích trước tiền thi công công trình Xekaman 4	2.185.370.154	3.312.101.779
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	703.084.626	788.656.290
Cộng	16.573.499.577	23.219.811.974

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	36.196.076.159	15.571.137.368
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	36.196.076.159	15.571.137.368
Phải trả tiền cổ tức	34.878.840.934	-
Lãi vay tiền cổ tức	1.317.235.225	15.571.137.368
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	82.312.444.881	85.347.572.819
Kinh phí công đoàn	1.604.305.335	1.859.819.413
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.000.000	80.000.000
Cổ tức phải trả	2.322.544.590	2.339.278.365
Vốn Nghiên cứu Khoa học	158.808.000	158.808.000
Lãi vay phải trả	36.510.387.313	29.348.247.489
Phải trả các phòng, tổ đội chi phí công trình đã nghiệm thu nhưng chưa thu được tiền từ chủ đầu tư	24.130.757.303	28.736.436.377
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.505.642.340	22.824.983.175
Cộng	118.508.521.040	100.918.710.187

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

Là cổ tức phải trả cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") các năm 2008, 2012, 2014 và 2015. Theo Thỏa thuận ngày 17/12/2019 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty mẹ, hai bên thống nhất phương án thanh toán như sau:

- Tiến độ thanh toán nợ gốc và lãi: Trả nợ gốc mỗi năm một lần trong vòng 4 năm kể từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2022; Trả lãi định kỳ 06 tháng;

- Lãi suất: Lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trả sau của 4 Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam);

- Thời hạn tính lãi: Đối với các khoản cổ tức 2008, 2012, 2014 có tổng giá trị là 35.333.888.711 đồng; Tính lãi từ ngày 30/09/2016; Đối với khoản cổ tức năm 2015 có giá trị 12.229.438.350 đồng; Tính lãi từ ngày 30/06/2016.

Tại thời điểm 31/12/2022, nợ gốc và lãi phải trả EVN đã đến hạn trả là 24.305.244.392 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty mẹ chưa trả số tiền nợ gốc và lãi đến hạn.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	12.600.000.000	14.406.450.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	1.806.450.000
Ông Lê Minh Hà	12.600.000.000	12.600.000.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	277.622.199.923	383.497.083.959
Vay ngắn hạn ngân hàng	991.356.000	4.761.154.918
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	3.069.576.000
- Chi nhánh Hai Bà Trưng		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.691.578.918
- Chi nhánh Hà Tây		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	991.356.000	-
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱ⁾	116.402.036.173	123.262.206.173
Ông Lê Phi Long	64.400.000.000	64.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngai	14.540.000.000	14.540.000.000
Bà Nguyễn Trà My	6.900.000.000	7.360.000.000
Ông Nguyễn Tài Nam	3.200.000.000	3.300.000.000
Các cá nhân khác	27.362.036.173	33.662.206.173
Vay lương ⁽ⁱⁱ⁾	154.448.807.750	211.733.722.868
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	5.780.000.000	43.740.000.000
Cộng	290.222.199.923	397.903.533.959

(i) Vay cán bộ công nhân viên trong Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thỏa thuận từ 7-7,5%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng, không có tài sản đảm bảo.

(ii) Vay lương cán bộ công nhân viên trong công ty lãi suất 2%/năm.

(iii) Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 (Công ty con) vay để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng tín dụng số 081/2022/HĐHM - 9215 ngày 06/06/2022, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Hải - Giám đốc Công ty con.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay bên liên quan	14.406.450.000	-	-	(1.806.450.000)	12.600.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.761.154.918	1.202.276.500	-	(4.972.075.418)	991.356.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	123.262.206.173	206.000.000	-	(7.266.170.000)	116.202.036.173
Vay lương	211.733.722.868	1.712.124.850	-	(58.797.039.968)	154.648.807.750
Vay dài hạn đến hạn trả	43.740.000.000	-	81.740.000.000	(119.700.000.000)	5.780.000.000
Cộng	397.903.533.959	3.120.401.350	81.740.000.000	(192.541.735.386)	290.222.199.923

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009, hạn mức tín dụng: 900.000.000.000 đồng; đề đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5; thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất theo từng thời kỳ; khoản vay được đảm bảo bằng giá trị thiết bị của dự án Thủy điện Sông Bung 5 đã hình thành và đưa vào sử dụng theo Hợp đồng Thế chấp động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCĐS ngày 14/08/2009.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.780.000.000	43.740.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	237.614.443.756	319.354.443.756
Trên 5 năm	-	-
Cộng	243.394.443.756	363.094.443.756

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	319.354.443.756	396.094.443.756
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(81.740.000.000)	(76.740.000.000)
Cộng	237.614.443.756	319.354.443.756

17c. Thông tin bổ sung về các khoản vay cá nhân

Căn cứ Công văn 4725/EVN-KTGS ngày 22/8/2022 về việc khắc phục tồn tại trong công tác huy động vốn cá nhân tại EVNPECC1, Công ty đã ra thông báo số 3509/TB-TVĐ1-P4 ngày 13/9/2022 đối với ông Lê Minh Hà và người có liên quan của ông Lê Minh Hà là ông Lê Phi Long và bà Nguyễn Thị Ngải, người có liên quan của ông Nguyễn Tài Sơn là ông Nguyễn Tài Nam và bà Nguyễn Trà My với nội dung: "Từ ngày 01/9/2022, Công ty sẽ thực hiện việc khoanh lại toàn bộ các khoản nợ của cá nhân các ông/bà nêu trên, tạm thời chưa thực hiện trả gốc và lãi vay cho đến khi hoàn thành việc rà soát, đánh giá tính hợp pháp, hợp lệ của toàn bộ các khoản nợ vay cá nhân".

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.712.154.401	(109.450.000)	1.602.704.401
Quỹ phúc lợi	1.534.652.856	(426.315.000)	1.108.337.856
Cộng	3.246.807.257	(535.765.000)	2.711.042.257

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	266.913.190.000	22.979.933.988	500.000.000	(156.294.371.273)	134.098.752.715
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	38.723.825.517	38.723.825.517
Số dư cuối năm trước	266.913.190.000	22.979.933.988	500.000.000	(117.570.545.756)	172.822.578.232
Số dư đầu năm nay	266.913.190.000	22.979.933.988	500.000.000	(117.570.545.756)	172.822.578.232
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	120.735.237.548	120.735.237.548
Số dư cuối năm nay	266.913.190.000	22.979.933.988	500.000.000	3.164.691.792	293.557.815.780

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	145.042.270.000	145.042.270.000
Ông Lê Minh Hà	37.908.250.000	37.908.250.000
Cổ đông khác	83.962.670.000	83.962.670.000
Cộng	266.913.190.000	266.913.190.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.691.319	26.691.319
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.296.983.000	573.983.000
Nguồn kinh phí được cấp	4.436.517.000	4.723.000.000
Chi sự nghiệp	(7.829.000.000)	-
Số cuối năm	1.904.500.000	5.296.983.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

21a. Tài sản thuê ngoài

Công ty có các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm bao gồm:

Địa điểm	Mục đích thuê	Thời hạn thuê	Diện tích thuê
Km 9 + 200, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	Làm trụ sở Công ty	50 năm kể từ ngày 15/10/1993	9.003,4 m ²
Xã Mà Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Xây nhà máy Thủy điện	Đến tháng 08/2059	1.270.421 m ²
Thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Xây nhà máy Thủy điện	Đến tháng 08/2059	925.153 m ²

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 488.876,70 USD (số đầu năm là 774.302,72 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	272.353.820.822	197.574.242.191
Doanh thu tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện	370.066.283.187	445.179.626.075
Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, nhà, xưởng)	1.929.897.309	1.526.545.454
Cộng	644.350.001.318	644.280.413.720

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện thương phẩm	90.258.913.375	84.792.523.610
Giá vốn tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện	277.422.716.957	377.974.195.839
Giá vốn cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, nhà, xưởng)	450.616.526	254.748.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.538.122.680	-
Cộng	382.670.369.538	463.021.467.449

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.396.170	16.924.336
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	405.759.099	109.452.062
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.502.235.681	-
Cộng	1.948.390.950	126.376.398

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	43.153.969.392	57.521.542.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	103.759.897	89.842.981
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.607.749.404
Phí mượn sổ đỏ bảo lãnh khoản vay Ngân hàng	16.182.833	75.660.000
Cộng	43.273.912.122	60.294.794.561

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	925.925.926	-
Các chi phí khác	983.441.089	1.277.448.238
Cộng	1.909.367.015	1.277.448.238

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.898.150.347	23.430.200.868
Chi phí vật liệu quản lý	372.462.541	612.473.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	514.210.319	907.687.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.757.671	672.087.798
Thuế, phí và lệ phí	1.543.896.108	1.940.289.625
Dự phòng phải thu khó đòi	29.244.875.583	25.532.315.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.598.283.667	5.197.063.742
Các chi phí khác	7.661.077.682	7.647.205.527
Cộng	65.410.713.918	65.939.323.275

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	2.392.315.842	-
Phạt do vi phạm hành chính	596.077.982	2.126.413.598
Thuế bị phạt, truy thu	4.404.173.384	-
Chi phí khác	1.584.067.994	622.165.439
Cộng	8.976.635.202	2.748.579.037

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	120.735.237.548	38.723.825.517
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	120.735.237.548	38.723.825.517
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.691.319	26.691.319
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.523	1.451

- (i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, tăng từ 458 VND lên thành 1.451 VND, do hồi tố giá vốn các công trình đã quyết toán thanh lý.
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.160.749.734	37.941.145.030
Chi phí nhân công	150.545.763.742	172.295.542.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.478.736.061	46.761.504.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.550.033.996	49.730.196.280
Thuế tài nguyên	24.134.013.417	18.397.974.634
Phí môi trường rừng	9.319.951.116	7.104.836.700
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	2.514.294.000	2.515.515.000
Chi phí khác	137.881.678.910	132.122.887.495
Cộng	419.585.220.976	466.869.601.940

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch HĐQT	-	84.240.000	84.240.000
Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên HĐQT/TGĐ	405.600.000	-	405.600.000
Ông Trần Thái Hải	Thành viên HĐQT/PTGĐ	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	269.100.000	-	269.100.000
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT độc lập	-	71.760.000	71.760.000
Bà Cao Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	374.400.000	-	374.400.000
Ông Mai Hữu Thung	Thành viên Ban kiểm soát	-	74.880.000	74.880.000
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	-	74.880.000	74.880.000
Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó Tổng Giám đốc	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	358.800.000	-	358.800.000
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	327.600.000	-	327.600.000
Cộng		2.453.100.000	305.760.000	2.758.860.000

Năm trước

Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch HĐQT	-	42.120.000	42.120.000
Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên HĐQT (đến 28/04/2021)/ TGĐ (đến 01/03/2021)	67.600.000	-	67.600.000
Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên HĐQT/ TGĐ (Từ 29/04/2021)	397.800.000	-	397.800.000
Ông Trần Thái Hải	Thành viên HĐQT/ Phó TGĐ (từ 18/09/2021)	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT độc lập	-	35.880.000	35.880.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Cao Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	370.500.000	-	370.500.000
Ông Mai Hữu Thung	Thành viên Ban kiểm soát	-	38.000.000	38.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	-	38.000.000	38.000.000
Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó Tổng Giám đốc	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng giám đốc (từ 18/09/2021)	89.700.000	-	89.700.000
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc (đến 01/07/2021)	179.400.000	-	179.400.000
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	327.600.000	-	327.600.000
Cộng		2.509.000.000	154.000.000	2.663.000.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ (EVN)
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện Sơn La	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý trung tâm điều độ HT điện miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Hòa Bình	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Italy	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sơn La	Cùng tập đoàn EVN
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	Cùng tập đoàn EVN
Ông Lê Minh Hà	Cổ đông lớn
Các Công ty và Ban quản lý khác (*)	Cùng tập đoàn EVN

(*) Chi tiết theo phụ lục đính kèm

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở Phụ lục đính kèm, nhóm Công ty không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Thủy điện.
- Lĩnh vực Khảo sát, thiết kế công trình điện.
- Lĩnh vực Khác (cho thuê văn phòng, nhà, xưởng)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực Khảo sát, thiết kế công trình điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272.353.820.822	370.066.283.187	1.929.897.309	644.350.001.318
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.353.820.822	370.066.283.187	1.929.897.309	644.350.001.318
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	182.094.907.447	78.105.443.550	1.479.280.783	261.679.631.780
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(67.320.080.933)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				194.359.550.847
Doanh thu hoạt động tài chính				1.948.390.950
Chi phí tài chính				(43.273.912.122)
Thu nhập khác				335.352.289
Chi phí khác				(8.976.635.202)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(23.657.509.214)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				120.735.237.548
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.034.203.401		2.034.203.401
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	39.329.883.350	3.087.960.699		42.417.844.049
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	197.574.242.191	445.179.626.075	1.526.545.454	644.280.413.720
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.574.242.191	445.179.626.075	1.526.545.454	644.280.413.720

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực Khảo sát, thiết kế công trình điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	112.781.718.581	67.205.430.236	1.271.797.454	181.258.946.271
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(67.216.771.513)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				114.042.174.758
Doanh thu hoạt động tài chính				126.376.398
Chi phí tài chính				(60.294.794.561)
Thu nhập khác				94.809.563
Chi phí khác				(2.748.579.037)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(12.496.161.604)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				38.723.825.517
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.211.530.910		2.211.530.910
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.598.129.936	4.069.228.331		45.667.358.267
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực Khảo sát, thiết kế công trình điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	667.775.408.931	524.083.553.374	-	1.191.858.962.305
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.326.259.338
Tổng tài sản				1.193.185.221.643
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	243.394.443.756	166.850.391.898	-	410.244.835.654
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				487.478.070.209
Tổng nợ phải trả				897.722.905.863
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	684.090.531.083	589.400.002.199	-	1.273.490.533.282
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				34.920.296.169
Tổng tài sản				1.308.410.829.451
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	393.712.372.176	133.859.146.874	-	527.571.519.050
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				602.719.749.169
Tổng nợ phải trả				1.130.291.268.219

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính các năm 2021 trở về trước đang trình bày chi phí của một số công trình đã hoàn thành, đã quyết toán trong kỳ trên khoản mục “Hàng tồn kho” (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang), thay vì kết chuyển ghi nhận “Giá vốn” của kỳ mà hợp đồng được quyết toán, thanh lý; hoặc chi phí của công trình đã quyết toán trong kỳ trước được kết chuyển vào giá vốn kỳ sau (ghi nhận không đúng kỳ).

Thực hiện Nghị quyết số 69/QĐ-TVĐ1-HĐTV ngày 10/3/2023 của Hội đồng quản trị, Công ty đã xác định lại giá vốn cần ghi nhận hàng năm, từ năm 2017 (năm sớm nhất có thể xác định lại) đến năm 2021 và điều chỉnh hồi tố đối với các sai sót nêu trên, trình bày lại Báo cáo tài chính các năm từ 2017 đến 2021.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản ngắn hạn	100	747.599.474.236	(119.868.319.292)	627.731.154.944
Hàng tồn kho	141	323.009.660.733	(125.062.051.542)	197.947.609.191
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.514.525	5.193.732.250	5.211.246.775
Nợ ngắn hạn	310	731.192.187.816	(930.856.472)	730.261.331.344
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.457.906.710	(930.856.472)	18.527.050.238
Vốn chủ sở hữu	410	291.760.041.052	(118.937.462.820)	172.822.578.232
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.366.917.064	(118.937.462.820)	(117.570.545.756)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Giá vốn hàng bán	11	493.822.070.700	(30.800.603.251)	463.021.467.449
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20.419.383.870	30.800.603.251	51.219.987.121
Chi phí thuế thu nhập doanh ngh nghiệp hiện hành	51	8.184.077.149	4.312.084.455	12.496.161.604
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.235.306.721	26.488.518.796	38.723.825.517
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	20.419.383.870	30.800.603.251	51.219.987.121
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	94.749.177.765	(30.800.603.251)	63.948.574.514
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp các năm 2017 đến 2020 được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm				

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nợ ngắn hạn của nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn 106.214.719.233 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của nhóm Công ty.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty vẫn có lãi và có dòng lưu chuyển tiền thuần dương từ hoạt động kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty đã có kế hoạch thu xếp các khoản nợ phải trả, cân đối dòng tiền để đảm bảo khả năng thanh toán của nhóm Công ty trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập , ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng



Dương Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC CÔNG NỢ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ (EVN)
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện Sơn La	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý trung tâm điều độ HT điện miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Hòa Bình	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Italy	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sơn La	Cùng tập đoàn EVN
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Lưới điện Hà Nội	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Lưới điện TP Hải Phòng	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Lưới điện-Điện lực Hà Nội	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Lưới điện-Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung-Tổng Công ty Điện Lực miền Trung	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện lực miền Nam	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Phát triển điện lực	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Phát triển điện lực Hà Nội	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện 4	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Truyền tải Điện	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Điện lực Cao Bằng	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Điện lực Hà Nam	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Điện lực Lạng Sơn	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Điện lực Nam Định	Cùng tập đoàn EVN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC CÔNG NỢ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Nhiệt điện Uông Bí	Cùng tập đoàn EVN
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	Cùng tập đoàn EVN
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện An Khê - Kanak	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Quảng Trị	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sông Bung	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sông Tranh	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Truyền tải điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Truyền tải điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn EVN
Tổng Công ty Phát điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Tổng Công ty Phát điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ông Lê Minh Hà	Cổ đông lớn

1. Số dư với các bên liên quan**1a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị trực thuộc	95.066.982.409	93.194.866.613
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	25.364.410.839	23.706.442.599
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	19.396.596.926	13.764.720.294
Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	3.405.851.395	2.233.310.451
Ban quản lý dự án Lưới điện miền Bắc	5.635.485.083	5.914.660.264
Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội	7.992.585.896	474.054.550
Ban quản lý dự án lưới điện TP Hải Phòng	7.460.112	7.460.112
Ban quản lý dự án lưới điện TP. Hồ Chí Minh	1.561.211.843	2.316.502.411
Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung-Tổng Công ty Điện Lực miền Trung	224.495.117	224.495.117
Ban quản lý dự án Điện lực miền Nam - Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH		22.519.000
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực	3.214.256.237	2.884.098.287
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực Hà Nội	496.143.193	5.847.434.052
Ban quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	958.034.000	958.034.000
Ban quản lý dự án Truyền tải Điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	11.232.540.223	16.797.502.015
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	818.892.555	1.507.151.610
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	112.906.092	112.906.092
Công ty Điện lực Cao Bằng	22.957.590	22.957.590
Công ty Điện lực Bắc Ninh	111.444.602	128.610.431

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC CÔNG NỢ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Điện lực Thanh Trì	144.512.759	144.512.759
Công ty Điện lực Hà Nam	23.921.928	1.194.655
Công ty Điện lực Hà Tây	60.296.656	60.296.656
Công ty Điện lực Lạng Sơn	204.633.212	204.633.212
Công ty Điện lực Nghệ An	10.217.860	10.217.860
Công ty Điện lực Hà Tĩnh	24.267.776	24.267.776
Công ty Điện lực Thanh Hóa	87.395.355	87.395.355
Công ty Điện lực Phú Thọ	141.917.961	141.917.961
Công ty Điện lực Nam Định	29.909.091	29.909.091
Công ty Điện lực Hòa Bình	43.244.717	43.244.717
Công ty Điện lực Điện Biên	196.308.840	196.308.840
Công ty Điện lực Lào Cai	1.979.913	1.979.913
Công ty Điện lực Sơn La	442.096.201	442.096.201
Công ty Điện lực Yên Bái	283.497.232	283.497.232
Công ty Điện lực Quảng Ninh	30.878.787	30.878.787
Công ty Điện lực Thái Nguyên	68.000.000	68.000.000
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	2.535.763.281	3.709.572.062
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	89.341.723	41.904.500
Công ty Nhiệt Điện Uông Bí	200.634.000	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	70.607.623	70.607.623
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	32.374.004	121.734.340
Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	60.304.921	60.304.921
Công ty Thủy điện An Khê - Kanak	51.480.000	257.400.000
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	1.055.278.032	115.000.000
Công ty Thủy điện Đồng Nai	45.100.000	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát	-	298.119.429
Công ty Thủy điện Quảng Trị	44.495.605	44.495.605
Công ty Thủy điện Sông Bung	1.469.198.246	194.982.348
Công ty Thủy điện Sông Tranh	319.540.101	-
Công ty Lưới điện Cao thế miền Bắc	84.158.971	84.158.971
Công ty Truyền tải điện 1	2.641.052.871	2.119.995.067
Công ty Truyền tải điện 2	27.609.184	27.609.184
Tổng Công ty Phát điện 3	-	260.896.902
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	-	600.120.606
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	1.469.283.190	1.378.372.351
Công ty TNHH MTV Tư vấn Điện Miền Bắc	148.853.568	148.853.568
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	534.288.476	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.759.732.519	4.076.615.519
Cộng	190.054.428.715	185.498.819.499

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC CÔNG NỢ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**1b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị trực thuộc	31.330.567.473	6.886.805.176
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	12.322.368.419	7.827.435.324
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	5.686.983.969	6.446.540.265
Ban quản lý dự án Điện lực miền Nam - Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	3.508.746	-
Ban quản lý dự án Lưới điện Hà Nội	530.965.142	636.672.930
Ban quản lý dự án lưới điện-Tổng công ty điện lực Miền Bắc	1.448.994.109	1.526.636.720
Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà nội-Tổng công ty điện lực TP Hà nội	-	1.469.150.584
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	3.606.918.782	3.293.380.859
Công ty CP thủy điện Miền Nam	-	291.970.524
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - CN TCT Phát điện 1	-	1.857.996.983
Công ty nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng công ty phát điện 1	-	1.162.096.000
Công ty Thủy điện Sông Tranh	-	19.185.830
Công ty Truyền tải điện 1	17.073.500	17.073.500
Tổng Công ty Phát điện 1	898.500.000	898.500.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mờ	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Điện lực Lạng Sơn	34.199.000	34.199.000
Công ty Điện lực Bắc Ninh	93.252.100	93.252.100
Công ty Điện lực Hà Tây	35.000.000	35.000.000
Công ty Điện lực Hưng Yên	5.405.861	5.405.861
Công ty Điện lực Quảng Ninh	84.842.732	84.842.732
Công ty TNHH MTV điện lực Hải phòng	-	99.719.082
Cộng	57.098.579.833	33.685.863.470

2. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Mua bán điện	272.353.820.822	197.574.242.191
Ban quản lý Truyền tải điện	8.110.098.331	19.849.767.170
Ban quản lý dự án Điện 1	17.752.402.045	44.556.605.529
Ban quản lý dự án Điện 2	21.865.274.055	23.734.407.012
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	49.364.925.084	53.015.820.244
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	35.188.789.131	24.906.003.313
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	857.782.346	3.003.794.292
Công ty Thủy điện Sơn La	29.195.501.352	20.785.166.133
Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam - Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	241.341.080	-
Ban quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2	-	870.940.000
Ban quản lý dự án Thủy điện Sơn La		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC CÔNG NỢ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Ban quản lý dự án Lưới điện - Tổng công ty điện lực Miền Bắc	16.038.737	1.447.968.638
Ban quản lý dự án Lưới Điện Hà Nội	8.530.225.983	369.977.259
Ban quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	-	786.062.314
Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	-	6.673.788.182
Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3	483.445.952	1.780.693.465
Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	-	318.104.709
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực Hà Nội	-	6.804.957.463
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	45.564.469	1.086.576.937
Ban quản lý dự án Thủy điện 3	-	151.123.099
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực	-	6.088.687.811
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	-	(105.113.939)
Tổng công ty phát điện 3	-	916.114.614
Công ty Truyền tải điện 1	2.733.864.704	2.453.461.752
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa	-	-28.797.557
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	504.093.519	236.852.000
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	-	387.149.510
Công ty Thủy điện Sông Tranh	321.598.331	431.223.744
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát	67.754.416	5.734.753.017
Công ty Thủy điện Bản Vẽ	3.414.033.198	2.485.280.327
Công ty Thủy điện Đồng Nai	269.958.330	436.235.000
Công ty Thủy điện Sông Bung	1.704.673.157	993.876.680
Công ty Thủy điện An Khê - Kanak	-	234.000.000
Công ty Thủy điện Hòa Bình	3.576.900.631	3.526.268.029
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	902.318.360	12.482.912.884
Công ty Cổ phần Thủy điện Ialy	196.250.000	5.060.024.124
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	772.629.236	3.127.973.050
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	-	1.389.329.080
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	291.481.909	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	-	1.160.727.273
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	-	9.033.739
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	43.923.355	1.134.216.000
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	4.969.925.571	3.372.338.238
Công ty Nhiệt Điện Uông Bí	1.085.341.589	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải phòng	111.314.868	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1	-	3.295.030.000
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	82.646.217	-
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	659.615.403	156.734.575
Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Trung	-	1.167.240.481
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	864.290.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**PHỤ LỤC 02****Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót
đến số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp từng năm****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Cột "Số cuối năm")				
Tài sản ngắn hạn	100	877.358.900.828	(155.862.654.793)	721.496.246.035
Hàng tồn kho	141	417.758.838.498	(155.862.654.793)	261.896.183.705
Nợ ngắn hạn	310	844.770.582.959	(10.436.673.177)	834.333.909.782
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	49.272.718.408	(10.436.673.177)	38.836.045.231
Vốn chủ sở hữu	410	279.524.734.331	(145.425.981.616)	134.098.752.715
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(10.868.389.657)	(145.425.981.616)	(156.294.371.273)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Cột "Năm nay")				
Giá vốn hàng bán	11	501.023.763.713	10.425.491.836	511.449.255.549
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.210.366.280	(10.425.491.836)	(2.215.125.556)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.026.737.965	(1.459.568.857)	5.567.169.108
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.183.628.315	(8.965.922.979)	(7.782.294.664)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Cột "Năm nay")				
Lợi nhuận trước thuế	01	8.210.366.280	(10.425.491.836)	(2.215.125.556)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	86.750.933.976	10.425.491.836	97.176.425.812

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Cột "Số cuối năm")				
Tài sản ngắn hạn	100	922.136.254.446	(145.437.162.957)	776.699.091.489
Hàng tồn kho	141	504.509.772.474	(145.437.162.957)	359.072.609.517
Nợ ngắn hạn	310	882.738.477.115	(8.977.104.320)	873.761.372.795
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	51.758.408.136	(8.977.104.320)	42.781.303.816
Vốn chủ sở hữu	410	278.341.106.016	(136.460.058.637)	141.881.047.379
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(12.052.017.972)	(136.460.058.637)	(148.512.076.609)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Cột "Năm nay")				
Giá vốn hàng bán	11	456.207.983.197	15.944.303.764	472.152.286.961
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.685.022.965	(15.944.303.764)	(14.259.280.799)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.188.015.101	4.927.919.921	6.115.935.022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	497.007.864	(20.872.223.685)	(20.375.215.821)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Cột "Năm nay")				
Lợi nhuận trước thuế	01	1.685.022.965	(15.944.303.764)	(14.259.280.799)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.099.980.949)	15.944.303.764	4.844.322.815

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Cột "Số cuối năm")				
Tài sản ngắn hạn	100	880.837.654.734	(129.492.859.193)	751.344.795.541
Hàng tồn kho	141	493.409.791.525	(129.492.859.193)	363.916.932.332
Nợ ngắn hạn	310	837.357.283.046	383.168.026	837.740.451.072
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	28.711.371.224	383.168.026	29.094.539.250
Vốn chủ sở hữu	410	292.132.290.419	(129.876.027.219)	162.256.263.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.739.166.431	(129.876.027.219)	(128.136.860.788)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Cột "Năm nay")				
Giá vốn hàng bán	11	472.646.884.399	48.177.869.946	520.824.754.345
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20.382.050.423	(48.177.869.946)	(27.795.819.523)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17.888.449.941	383.168.026	18.271.617.967
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.493.600.482	(48.561.037.972)	(46.067.437.490)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Cột "Năm nay")				
Lợi nhuận trước thuế	01	20.382.050.423	(48.177.869.946)	(27.795.819.523)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(37.921.589.198)	48.177.869.946	10.256.280.748

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Cột "Số cuối năm")				
Tài sản ngắn hạn	100	897.636.397.576	(81.314.989.247)	816.321.408.329
Hàng tồn kho	141	455.488.202.327	(81.314.989.247)	374.173.213.080
Vốn chủ sở hữu	410	289.638.689.937	(81.314.989.247)	208.323.700.690
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(754.434.051)	(81.314.989.247)	(82.069.423.298)